



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM HUNG NGHIỆP HƯU TRÍ

Bảo hiểm Hưng Nghiệp Hữu Trí Nhóm cung cấp cho khách hàng một kế hoạch hưu trí giúp an tâm vui sống khi nghỉ hưu.

Một vài điểm nổi bật của Bảo hiểm Hưng Nghiệp Hữu Trí:

• Bảo vệ toàn diện

- Bảo vệ toàn diện trong suốt thời hạn tích lũy và thời hạn nhận quyền lợi hưu trí định kỳ.
- Quyền lợi Chu toàn hậu sự với ứng trước 10% quyền lợi tử vong của sản phẩm bảo hiểm hưu trí.
- Được gia tăng quyền lợi bảo hiểm với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung.

• An tâm về tài chính cho tương lai hưu trí an nhàn

- Ngay khi nghỉ hưu bạn sẽ nhận được quyền lợi hưu trí đều đặn hàng năm.
- Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ hưu trí tự nguyện.
- Giúp bạn gia tăng tài sản trong ngắn hạn cũng như dài hạn với mức tăng trưởng cam kết tối thiểu là 5%/năm trong 10 năm đầu của hợp đồng.

• Và linh hoạt không giới hạn phí đóng thêm khi có tiền nhàn rỗi

Hung Nghiệp Hữu Trí - Giải pháp phúc lợi ưu việt dành cho doanh nghiệp.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC30/KDBH do BTC cấp ngày 03/10/2018; Vốn điều lệ: gần 7.700 tỷ VNĐ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 3810 0888; Fax: (028) 3977 3000

CHI TIẾT VỀ KHÁCH HÀNG

	Họ tên	Giới tính	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm (1)	Nguyễn Văn A	Nam	30	1
Bên mua bảo hiểm (2)	ABC	Công ty		

THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi kết thúc Tài khoản bảo hiểm hưu trí	Thời hạn của Tài khoản bảo hiểm hưu trí (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí BH cơ bản của sản phẩm chính	Phí BH sản phẩm bổ sung	Phí BH đóng thêm dự tính(*)	Phí BH dự tính (*)
Hung Nghiệp Hưu Trí	(1)	74	44	30	100.000.000	1.800.000		10.200.000	12.000.000
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ					Năm 12.000.000	Nửa năm 6.000.000	Quý 3.000.000	Tháng 999.600	

- Thời hạn của Tài khoản bảo hiểm hưu trí: là tổng thời hạn đóng phí và thời hạn nhận quyền lợi hưu trí định kỳ.

- Thời hạn đóng phí (tích lũy): được tính kể từ ngày bắt đầu tham gia bảo hiểm và kết thúc vào ngày kỷ niệm năm Tài khoản bảo hiểm hưu trí ngay sau khi NDBH đạt đến Tuổi bắt đầu nhận quyền lợi hưu trí định kỳ.

- Tuổi bắt đầu nhận quyền lợi hưu trí định kỳ: là 60 tuổi với nam và 55 tuổi với nữ.

- Định kỳ nhận quyền lợi hưu trí: hàng năm trong vòng 15 năm.

(*) Phí bảo hiểm dự tính và Phí bảo hiểm đóng thêm dự tính cho năm đầu. Phí bảo hiểm dự tính và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang "Minh họa quyền lợi bảo hiểm" hoặc "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí".

THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Họ và tên:	Mã số: 158424	Văn phòng của TVTC: PA
------------	---------------	------------------------

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Các quyền lợi cơ bản của sản phẩm Bảo hiểm Hưng Nghiệp Hưu Trí

• Quyền lợi hưu trí Định kỳ

- Quyền lợi hưu trí định kỳ sẽ được chi trả hàng năm bắt đầu từ ngày kỷ niệm năm Tài khoản bảo hiểm hưu trí ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt đến Tuổi bắt đầu nhận quyền lợi hưu trí định kỳ.
- Quyền lợi hưu trí định kỳ lần đầu tiên: được xác định dựa trên giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí tại Ngày kỷ niệm năm Tài khoản bảo hiểm hưu trí ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt đến tuổi bắt đầu nhận quyền lợi hưu trí định kỳ chia đều cho tổng định kỳ nhận quyền lợi hưu trí.
- Quyền lợi hưu trí định kỳ các lần tiếp theo: được xác định dựa trên giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí tại (các) kỳ nhận quyền lợi hưu trí định kỳ chia đều cho tổng số định kỳ nhận quyền lợi hưu trí còn lại tương ứng.

• Quyền lợi Chu toàn hậu sự

- Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ ứng trước một phần quyền lợi bảo hiểm tử vong của sản phẩm này với số tiền chi trả là giá trị nào nhỏ hơn của 10% quyền lợi tử vong thực trả của sản phẩm bảo hiểm hưu trí hoặc 30 triệu đồng trên một Người được bảo hiểm ngay khi nhận yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm thỏa điều kiện quy định.
- Quyền lợi Chu toàn hậu sự không bị tính phí hoặc lãi.
- Khi quyền lợi Chu toàn hậu sự đã được chi trả, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ khấu trừ số tiền này khi chi trả quyền lợi tử vong của sản phẩm chính. Trong trường hợp số tiền thực trả hoặc từ chối thanh toán của quyền lợi tử vong nhỏ hơn quyền lợi Chu toàn hậu sự, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không thu hồi khoản chênh lệch giữa hai quyền lợi này.

• Quyền lợi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)

- Nếu Người được bảo hiểm Tử vong hoặc TTTBVV trong thời hạn tích lũy: 100% Số tiền bảo hiểm cộng toàn bộ giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm Tử vong hoặc TTTBVV.
- Nếu Người được bảo hiểm Tử vong hoặc TTTBVV trong thời hạn nhận quyền lợi hưu trí định kỳ: Giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm Tử vong hoặc TTTBVV.

• Quyền lợi nhận lãi từ kết quả đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện

- Trong thời gian Tài khoản bảo hiểm hưu trí đang còn hiệu lực, giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư của Quỹ hưu trí tự nguyện được Dai-ichi Life Việt Nam công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử chính thức của công ty.
- Trong mọi trường hợp, mức lãi suất công bố sẽ không thấp hơn lãi suất đầu tư đảm bảo được Dai-ichi Life Việt Nam cam kết cho hợp đồng bảo hiểm này là 5%/ năm cho 10 năm đầu và 3%/ năm cho những năm tiếp theo của Tài khoản bảo hiểm hưu trí.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

- Chi phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	Từ năm thứ 4 đến năm thứ 6	Kể từ năm thứ 7 trở đi
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản	10%	0%			
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm	9%	4%	4%	2%	0%

Từ Năm phí bảo hiểm thứ 7 (bảy) trở đi, Bên mua bảo hiểm có thể bị tính phí giao dịch tiền mặt theo quy định tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, bưu điện hoặc các tổ chức có liên quan đến thu phí bảo hiểm khi Bên mua bảo hiểm thực hiện nộp các khoản phí định kỳ hoặc phí đóng thêm cho Dai-ichi Life Việt Nam.

- Chi phí bảo hiểm rủi ro là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.
 - Tỷ lệ chi phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro tử vong và Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV), theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm (NDBH). Tỷ lệ chi phí bảo hiểm rủi ro có thể thay đổi sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.
 - Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo tuổi đạt được của NDBH và sẽ thay đổi hàng năm.
 - Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm Bảo hiểm Hưng Nghiệp Hưu Trí = Tỷ lệ chi phí bảo hiểm rủi ro * Số tiền bảo hiểm
- Chi phí quản lý hợp đồng: là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Từ năm 2021 trở đi
Chi phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	25.000	27.000	29.100	31.400	33.900	36.600	39.500	42.600	45.000

- Phí quản lý quỹ: là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ là 2% giá trị tài sản đầu tư của quỹ trong năm.
- Chi phí chuyển Tài khoản bảo hiểm hưu trí: là khoản chi phí Dai-ichi Life Việt Nam sẽ khấu trừ từ giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí khi Người được bảo hiểm không còn là thành viên của Hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm này tại Dai-ichi Life Việt Nam và có yêu cầu chuyển Tài khoản bảo hiểm hưu trí sang Hợp đồng bảo hiểm hưu trí tại một doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ khác.

Năm Tài khoản bảo hiểm hưu trí	1	2	3	4	Kể từ năm thứ 5 trở đi
Tỷ lệ % trên Giá trị tài khoản chuyển giao	5%	4%	3%	2%	1%



Gắn bó dài lâu.

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Số tiền bảo hiểm sản phẩm chính: 100.000

Phí BH cơ bản sản phẩm chính: 1.800

Đơn vị: ngàn đồng

Năm Tài	khoản BH hưu trí	Tuổi của NĐBH	Phí BH dự tính	Phí BH đóng thêm	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Quyền lợi minh họa của sản phẩm bảo hiểm hưu trí											
						Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 5%/ năm cho 10 năm đầu của hợp đồng và 3%/ năm cho những năm còn lại				Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư là 4,5%/ năm				Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư là 6%/ năm			
						Giá trị tài khoản BH Hưu Trí	Quyền lợi Tử vong hoặc TTTBVV	Quyền lợi hưu trí định kỳ	Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy (*)	Giá trị tài khoản BH hưu trí	Quyền lợi Tử vong hoặc TTTBVV	Quyền lợi hưu trí định kỳ	Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy (*)	Giá trị tài khoản BH hưu trí	Quyền lợi Tử vong hoặc TTTBVV	Quyền lợi hưu trí định kỳ	Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy (*)
1	30	12.000	10.200			10.695	110.695			10.695	110.695			10.800	110.800		
2	31	12.000	10.200			22.643	122.643			22.643	122.643			22.974	122.974		
3	32	12.000	10.200			35.181	135.181			35.181	135.181			35.870	135.870		
4	33	12.000	10.200			48.552	148.552			48.552	148.552			49.747	149.747		
5	34	12.000	10.200			62.579	162.579			62.579	162.579			64.446	164.446		
6	35	12.000	10.200			77.294	177.294			77.294	177.294			80.012	180.012		
7	36	12.000	10.200			92.942	192.942			92.942	192.942			96.712	196.712		
8	37	12.000	10.200			109.353	209.353			109.353	209.353			114.395	214.395		
9	38	12.000	10.200			126.564	226.564			126.564	226.564			133.117	233.117		
10	39	12.000	10.200			144.610	244.610			144.610	244.610			152.937	252.937		
11	40	12.000	10.200			160.407	260.407			162.749	262.749			173.918	273.918		
12	41	12.000	10.200			176.649	276.649			181.675	281.675			196.128	296.128		
13	42	12.000	10.200			193.345	293.345			201.419	301.419			219.637	319.637		
14	43	12.000	10.200			210.506	310.506			222.016	322.016			244.520	344.520		
15	44	12.000	10.200			228.144	328.144			243.501	343.501			270.858	370.858		
16	45	12.000	10.200			246.271	346.271			265.913	365.913			298.735	398.735		
17	46	12.000	10.200			264.898	364.898			289.289	389.289			328.240	428.240		
18	47	12.000	10.200			284.038	384.038			313.671	413.671			359.469	459.469		
19	48	12.000	10.200			303.703	403.703			339.100	439.100			392.522	492.522		
20	49	12.000	10.200			323.903	423.903			365.619	465.619			427.502	527.502		
21	50	12.000	10.200			344.649	444.649			393.270	493.270			464.520	564.520		
22	51	12.000	10.200			365.947	465.947			422.095	522.095			503.688	603.688		
23	52	12.000	10.200			387.805	487.805			452.137	552.137			545.126	645.126		
24	53	12.000	10.200			410.230	510.230			483.442	583.442			588.960	688.960		
25	54	12.000	10.200			433.229	533.229			516.056	616.056			635.323	735.323		
26	55	12.000	10.200			456.813	556.813			550.030	650.030			684.361	784.361		
27	56	12.000	10.200			480.990	580.990			585.420	685.420			736.226	836.226		
28	57	12.000	10.200			505.774	605.774			622.282	722.282			791.081	891.081		
29	58	12.000	10.200			531.173	631.173			660.674	760.674			849.099	949.099		
30	59	12.000	10.200			557.196	657.196			700.654	800.654			910.456	1.010.456		
31	60					535.102	535.102	37.146	39.561	682.818	682.818	46.710	49.746	900.188	900.188	60.697	64.642
32	61					511.238	511.238	38.222	82.838	662.024	662.024	48.773	104.923	885.484	885.484	64.299	137.323
33	62					485.521	485.521	39.326	130.105	638.046	638.046	50.925	165.978	865.855	865.855	68.114	218.790
34	63					457.864	457.864	40.460	181.652	610.641	610.641	53.170	233.393	840.765	840.765	72.155	309.856

Ngày: 29/03/2022 02:47:10

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ sổ trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Bên mua BH: ABC

Số bảng minh họa: 158424-7025

Version: w2.0.4

TVTC: Product Dummy Agent

Mã số: 158424

Trang 5/9

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Số tiền bảo hiểm sản phẩm chính: 100.000

Phí BH cơ bản sản phẩm chính: 1.800

Đơn vị: ngàn đồng

Năm Tài	khoản BH hưu trí	Tuổi của NĐBH	Phí BH dự tính	Phí BH đóng thêm	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Quyền lợi minh họa của sản phẩm bảo hiểm hưu trí											
						Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 5%/ năm cho 10 năm đầu của hợp đồng và 3%/ năm cho những năm còn lại				Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư là 4,5%/ năm				Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư là 6%/ năm			
						Giá trị tài khoản BH Hưu Trí	Quyền lợi Tử vong hoặc TTTBVV	Quyền lợi hưu trí định kỳ	Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy (*)	Giá trị tài khoản BH hưu trí	Quyền lợi Tử vong hoặc TTTBVV	Quyền lợi hưu trí định kỳ	Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy (*)	Giá trị tài khoản BH hưu trí	Quyền lợi Tử vong hoặc TTTBVV	Quyền lợi hưu trí định kỳ	Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy (*)
35	64					428.178	428.178	41.624	237.789	579.556	579.556	55.513	307.685	809.634	809.634	76.433	411.398
36	65					396.373	396.373	42.818	298.846	544.520	544.520	57.956	389.407	771.834	771.834	80.963	524.365
37	66					362.352	362.352	44.041	365.175	505.245	505.245	60.502	479.153	726.682	726.682	85.759	649.783
38	67					326.021	326.021	45.294	437.150	461.431	461.431	63.156	577.559	673.440	673.440	90.835	788.758
39	68					287.282	287.282	46.574	515.166	412.757	412.757	65.919	685.304	611.311	611.311	96.206	942.486
40	69					246.035	246.035	47.880	599.644	358.889	358.889	68.793	803.113	539.434	539.434	101.885	1.112.256
41	70					202.184	202.184	49.207	691.027	299.478	299.478	71.778	931.759	456.882	456.882	107.887	1.299.452
42	71					155.638	155.638	50.546	789.775	234.163	234.163	74.870	1.072.059	362.664	362.664	114.221	1.505.561
43	72					106.323	106.323	51.879	896.362	162.581	162.581	78.054	1.224.871	255.725	255.725	120.888	1.732.168
44	73					54.208	54.208	53.161	1.011.242	84.395	84.395	81.290	1.391.061	134.977	134.977	127.863	1.980.933
45	74							54.208				84.395				134.977	
Tổng phí BH dự tính		360.000				682.387				961.803				1.403.182			

Lưu ý:

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí Bảo hiểm dự tính" đã bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung.
- Bảng minh họa này dựa trên giả định Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm. Quyền lợi tử vong hoặc TTTBVV, quyền lợi hưu trí định kỳ, giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất, v.v... Để biết thông tin chính xác về giá trị tài khoản và tình trạng của Tài khoản bảo hiểm hưu trí, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Tài khoản bảo hiểm hưu trí của mình.
- Bảng minh họa này dựa trên giả định toàn bộ phí BH đóng góp vào tài khoản bảo hiểm hưu trí là do BMBH đóng góp.
- Quyền lợi bảo hiểm khi được chi trả có thể sẽ bị khấu trừ các khoản thuế (nếu có) theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
- Tài khoản bảo hiểm hưu trí sẽ đóng tạm thời khi giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí sau khi khấu trừ các Khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn số tiền tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm.
- Trong thời hạn nhận quyền lợi hưu trí định kỳ, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả quyền lợi hưu trí định kỳ vào đầu mỗi năm Tài khoản BH hưu trí tương ứng. Quyền lợi hưu trí định kỳ sẽ chấm dứt khi Dai-ichi Life Việt Nam đã chi trả quyền lợi hưu trí định kỳ cuối cùng hoặc khi giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí đã được chi trả hết.

(*) Tổng quyền lợi hưu trí định kỳ tích lũy được tính theo giả định các khoản Quyền lợi hưu trí định kỳ phát sinh được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn. Các khoản Quyền lợi hưu trí định kỳ phát sinh nếu để lại Dai-ichi Life Việt Nam sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính là 6,5%/ năm).

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN BẢO HIỂM HƯU TRÍ

Số tiền bảo hiểm ban đầu: 100.000

Phí BH cơ bản sản phẩm chính: 1.800

Đơn vị: ngàn đồng

Năm Tài khoản BH hưu trí	Tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí BH sản phẩm chính	Phí BH đóng thêm	Phí BH sản phẩm bổ sung	Phí BH phân bố sản phẩm chính	Chi phí BH rủi ro sản phẩm chính	Phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí	Minh họa giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí tại các mức lãi suất đầu tư			Phí bảo hiểm định kỳ năm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y (*)
									Mức lãi suất cam kết là 5%/ năm cho 10 năm đầu của Tài khoản bảo hiểm hưu trí và 3%/ năm cho những năm còn lại	Mức lãi suất đầu tư 4,5%/ năm	Mức lãi suất đầu tư 6%/ năm	
1	30	12.000	1.800	10.200		10.902	193	540	10.695	10.695	10.800	
2	31	12.000	1.800	10.200		11.592	198	540	22.643	22.643	22.974	
3	32	12.000	1.800	10.200		11.592	206	540	35.181	35.181	35.870	
4	33	12.000	1.800	10.200		11.796	215	540	48.552	48.552	49.747	
5	34	12.000	1.800	10.200		11.796	226	540	62.579	62.579	64.446	
6	35	12.000	1.800	10.200		11.796	239	540	77.294	77.294	80.012	
7	36	12.000	1.800	10.200		12.000	255	540	92.942	92.942	96.712	
8	37	12.000	1.800	10.200		12.000	274	540	109.353	109.353	114.395	
9	38	12.000	1.800	10.200		12.000	295	540	126.564	126.564	133.117	
10	39	12.000	1.800	10.200		12.000	319	540	144.610	144.610	152.937	
11	40	12.000	1.800	10.200		12.000	347	540	160.407	162.749	173.918	
12	41	12.000	1.800	10.200		12.000	376	540	176.649	181.675	196.128	
13	42	12.000	1.800	10.200		12.000	408	540	193.345	201.419	219.637	
14	43	12.000	1.800	10.200		12.000	443	540	210.506	222.016	244.520	
15	44	12.000	1.800	10.200		12.000	481	540	228.144	243.501	270.858	
16	45	12.000	1.800	10.200		12.000	520	540	246.271	265.913	298.735	
17	46	12.000	1.800	10.200		12.000	563	540	264.898	289.289	328.240	
18	47	12.000	1.800	10.200		12.000	608	540	284.038	313.671	359.469	
19	48	12.000	1.800	10.200		12.000	657	540	303.703	339.100	392.522	
20	49	12.000	1.800	10.200		12.000	711	540	323.903	365.619	427.502	
21	50	12.000	1.800	10.200		12.000	770	540	344.649	393.270	464.520	
22	51	12.000	1.800	10.200		12.000	839	540	365.947	422.095	503.688	
23	52	12.000	1.800	10.200		12.000	916	540	387.805	452.137	545.126	
24	53	12.000	1.800	10.200		12.000	1.004	540	410.230	483.442	588.960	
25	54	12.000	1.800	10.200		12.000	1.101	540	433.229	516.056	635.323	
26	55	12.000	1.800	10.200		12.000	1.206	540	456.813	550.030	684.361	
27	56	12.000	1.800	10.200		12.000	1.317	540	480.990	585.420	736.226	
28	57	12.000	1.800	10.200		12.000	1.434	540	505.774	622.282	791.081	
29	58	12.000	1.800	10.200		12.000	1.560	540	531.173	660.674	849.099	
30	59	12.000	1.800	10.200		12.000	1.696	540	557.196	700.654	910.456	
31	60							540	535.102	682.818	900.188	
32	61							540	511.238	662.024	885.484	
33	62							540	485.521	638.046	865.855	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN BẢO HIỂM HƯU TRÍ

Số tiền bảo hiểm ban đầu: 100.000

Phí BH cơ bản sản phẩm chính: 1.800

Đơn vị: ngàn đồng

Năm Tài khoản BH hưu trí	Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí BH sản phẩm chính	Phí BH đóng thêm	Phí BH sản phẩm bổ sung	Phí BH phân bổ sản phẩm chính	Chi phí BH rủi ro sản phẩm chính	Phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí	Minh họa giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí tại các mức lãi suất đầu tư			Phí bảo hiểm định kỳ năm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y (*)
									Mức lãi suất cam kết là 5%/ năm cho 10 năm đầu của Tài khoản bảo hiểm hưu trí và 3%/ năm cho những năm còn lại	Mức lãi suất đầu tư 4,5%/ năm	Mức lãi suất đầu tư 6%/ năm	
34	63							540	457.864	610.641	840.765	
35	64							540	428.178	579.556	809.634	
36	65							540	396.373	544.520	771.834	
37	66							540	362.352	505.245	726.682	
38	67							540	326.021	461.431	673.440	
39	68							540	287.282	412.757	611.311	
40	69							540	246.035	358.889	539.434	
41	70							540	202.184	299.478	456.882	
42	71							540	155.638	234.163	362.664	
43	72							540	106.323	162.581	255.725	
44	73							540	54.208	84.395	134.977	
45	74											

Tổng phí BH dự tính 360.000

Lưu ý:

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí bảo hiểm dự tính" đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, phí bảo hiểm đóng thêm và phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung.
- Giá trị ở cột "Chi phí BH rủi ro sản phẩm chính" minh họa cho Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính ở mức lãi suất đầu tư cam kết.
- Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sẽ không được khấu trừ, phân bổ vào giá trị tài khoản của sản phẩm chính. Sản phẩm bổ sung (nếu có tham gia) sẽ chấm dứt hiệu lực nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản và phí (các) sản phẩm bổ sung.
- Bảng minh họa này dựa trên giả định Phí bảo hiểm rủi ro không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp.

(*) Phí bảo hiểm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y (nếu có tham gia) từ lần gia hạn hợp đồng thứ 10 trở đi đã được giảm 10% với giả định phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung này đã được đóng đầy đủ trong 10 năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bổ sung này.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- ✓ Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí.
- ✓ Bên mua bảo hiểm (BMBH) phải đóng đủ và đúng hạn phí bảo hiểm để đảm bảo đáp ứng quy định giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí và đóng phí theo quy định của Quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm hưu trí.
- ✓ Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết, ngoại trừ Lãi suất đầu tư đảm bảo.
- ✓ Các loại Chi phí trong hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa và phải được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.
- ✓ Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Tài khoản bảo hiểm hưu trí. Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sẽ không khấu trừ, không phân bổ và không ảnh hưởng đến giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí của hợp đồng bảo hiểm. BMBH cần phải đóng phí bảo hiểm cơ bản và phí (các) sản phẩm bổ sung đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của các sản phẩm bổ sung.
- ✓ Bảng minh họa này chỉ nhằm mục đích tham khảo, BMBH vui lòng tham khảo chi tiết Quy tắc, điều khoản hợp đồng.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Việc giao kết hợp đồng bảo hiểm hưu trí là một cam kết dài hạn, Người được bảo hiểm không được rút trước giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt theo Quy tắc, điều khoản hợp đồng bảo hiểm.
- Bảng minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí.
- Giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí, quyền lợi hưu trí định kỳ tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng; và vì vậy giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí và quyền lợi hưu trí định kỳ có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh họa này.
- Tài khoản bảo hiểm hưu trí sẽ đóng tạm thời khi giá trị Tài khoản bảo hiểm hưu trí sau khi khấu trừ Khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có) dưới số tiền tối thiểu theo công bố tại trang thông tin điện tử (website) của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; hoặc vào những Ngày kỷ niệm năm Tài khoản bảo hiểm hưu trí, nếu Bên mua bảo hiểm không đóng bất cứ khoản phí nào trong vòng 12 tháng liên tục tính đến Ngày kỷ niệm năm Tài khoản bảo hiểm hưu trí hiện hành; hoặc khi Người được bảo hiểm không còn là thành viên được bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm hưu trí và không có yêu cầu chuyển Tài khoản bảo hiểm hưu trí; hoặc trong một số trường hợp theo quy định trong Quy tắc, điều khoản hợp đồng bảo hiểm này.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm sản phẩm, quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm.

4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc, điều khoản hợp đồng ngay khi hợp đồng được phát hành.

Họ và tên của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký của Bên mua Bảo hiểm

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 158424, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này

Họ và tên của Tư vấn tài chính

Chữ ký của Tư vấn tài chính

Ngày/tháng/năm